

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 605/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Quý

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4428/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4898/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bé L, sinh năm 1976; trú tại: Số X đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1973; trú tại: Số X đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa nguyên đơn là bà Võ Thị Bé L trình bày:

Bà và ông Đinh Văn N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2000 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh E theo Giấy đăng ký kết hôn số 42, Quyền số 01 cấp ngày 02/8/2002, có một con chung tên Đinh Thị Ánh N, sinh ngày 27/01/ 2004.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó bà phát hiện ông N thường xuyên cá độ đá banh không quan tâm đến vợ con; ông N buộc bà phải ký giấy bán đất, bán xe để trả nợ cờ bạc và hàng tháng bà phải trích tiền lương 6.000.000 đồng để trả nợ riêng của ông N. Vì tình nghĩa với ông N và thương con nên bà đã chịu đựng, nhường nhịn khuyên nhủ để mong gia đình hạnh phúc, nhưng ông N không sửa đổi lại tiếp tục gây nợ, bà không còn chịu đựng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con. Tài sản chung của vợ chồng đã bán để trả nợ của ông N nên hiện nay vợ chồng không còn tài sản chung.

Trong bản khai và biên bản hòa giải bị đơn – Ông Đinh Văn N trình bày: Ông xác nhận phần trình bày của bà Võ Thị Bé L về việc kết hôn và con chung là đúng. Ông vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn và không đồng ý giao con cho bà L nuôi; vợ chồng không có tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành

Tại phiên tòa:

Bà Võ Thị Bé L yêu cầu được ly hôn, nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con;

Ông Đinh Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự thủ tục quy định tại các Điều 222 và Điều 223 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Qua lời khai của bà L và ông N, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông N là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy nguyện vọng của cháu Đinh Thị Ánh N xin được ở với mẹ là có căn cứ nên giao cho bà L nuôi con và ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Bé L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Đinh Văn N cư trú tại Quận 1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đinh Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Bé L:

Ông Đinh Văn N và bà Võ Thị Bé L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2000 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh E theo Giấy đăng ký kết hôn số 42, Quyền số 01 cấp ngày 02/8/2002, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại Tòa bà L khai ngoài việc buộc bà ký giấy bán đất, bán xe để trả nợ ông N còn mượn tiền của ông chủ quán cơm nơi bà đang làm việc để trả nợ cờ bạc và cá độ đá banh, khi số tiền mượn lên đến 500.000.000 đồng ông chủ mới thông báo cho bà biết; bà đứng ra bảo lãnh nên ông chủ cho trả góp hàng tháng bằng cách trừ lương; nợ cũ chưa trả hết lại có người tới nhà đòi nợ, bà và gia đình hai bên phải gom tiền trả nợ cho ông N hơn 300.000.000 đồng. Hàng tháng bà phải trích tiền lương của mình để đưa ông N trả nợ, nhưng ông N vẫn không nói thật với bà số tiền còn nợ, sự việc đã xảy ra cách đây gần 03 năm nhưng đến nay ông N vẫn chưa trả hết nợ. Do ông N không trung thực với bà trong vấn đề tiền bạc và các vấn đề khác trong cuộc sống nên bà không còn lòng tin và tình cảm với ông N.

Ông N khai do làm ăn thua lỗ và thua cá độ bóng đá, nên ông có vay 500.000.000 đồng của ông chủ quán cơm nơi vợ chồng ông làm việc để trả nợ, lúc đó bà L đã đồng ý bỏ qua và cùng ông trả nợ, nay bà L nêu lý do này để xin ly hôn là không chính đáng. Ông xác nhận hiện nay hàng tháng ông vẫn phải trích tiền lương để trả nợ.

Xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống chung ông N chơi cá độ đá banh thiếu nợ bà L đã tha thứ và đồng ý trả nợ cùng ông N, nhưng ông không sửa đổi tiếp tục gây nợ và không nói thật với bà L số tiền ông còn nợ thể hiện sự thiếu tôn trọng của ông N đối với bà L. Bà L không còn niềm tin và tình cảm với ông N, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà L, nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là chính đáng phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; do đó có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu được nuôi con của bà Võ Thị Bé L:

Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì bà Võ Thị Bé L và ông Đinh Văn N có 01 con chung là Đinh Thị Ánh N, sinh ngày 27/ 01/2004. Cháu N hiện nay đã 14 tuổi cần sự gần gũi chăm sóc của

người mẹ; đồng thời, ông N xác nhận hiện nay ông vẫn phải trích lương để trả nợ nên sẽ không có điều kiện về tài chính để nuôi con bằng bà L, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, yêu cầu được nuôi con của bà L là hợp tình, hợp lý đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia Đình nên có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cha, mẹ.

Việc thay đổi nuôi con, cấp dưỡng cho con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hai bên khai không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Võ Thị Bé L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bé L được ly hôn với ông Đinh Văn N.

- Về con chung: Giao con là Đinh Thị Ánh N, sinh ngày 27/01/2004 cho bà Võ Thị Bé L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cha, mẹ.

Việc thay đổi nuôi con, cấp dưỡng cho con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Bà Võ Thị Bé L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0023090 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Bé L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Võ Thị Bé L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Đinh Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 1, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thái Hằng